TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 04-8-2026.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Văn Hiền**.
+ Ông **Nguyễn Văn Hết**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Phú Quí** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị T** - Sinh năm: 1978; địa chỉ: Số B, ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H** - Sinh năm: 1981; địa chỉ: Số G, ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn H kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày

26/01/2013 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, bà và ông H chung sống đến đầu năm 2026 thì sống ly thân; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Bà T cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với ông H, không thể đoàn tụ được nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông H có hai người con chung là: Trần Huỳnh Khải N - Sinh ngày 14/4/2014 (hiện đang sống chung với ông H) và Trần Huỳnh Khải N1 - Sinh ngày 26/11/2015 (hiện đang sống chung với bà T). Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi người con nhỏ là Trần Huỳnh Khải N1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; đồng thời bà T đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi người con lớn là Trần Huỳnh Khải N, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Trần Văn H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T, bị đơn là ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng cháu Trần Huỳnh Khải N, mặc dù đã đủ 07 (bảy) tuổi nhưng chưa ghi nhận được ý kiến của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 do hiện đang sinh sống cùng ông H. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về căn cứ pháp luật được áp dụng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

(1) Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trần Văn H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

(2) Về con chung: Giao con chung là Trần Huỳnh Khải N1 - Sinh ngày 26/11/2015 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung là Trần Huỳnh Khải N - Sinh ngày 14/4/2014 cho ông Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông H không có yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông H, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

(3) Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

(4) Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với ông H có địa chỉ tại: Ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Ông H vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 14/7/2026, bà T có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà T, ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/01/2013 (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của bà T, biên bản lấy lời khai để xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được bà T và ông H có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 5 năm

2026, giữa ông, bà không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Ông H không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của bà T theo thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án, trong khi đó bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

[4.1] Bà T và ông H có hai người con chung là: Trần Huỳnh Khải N - Sinh ngày 14/4/2014 và Trần Huỳnh Khải N1 - Sinh ngày 26/11/2015. Bà T yêu cầu được quyền nuôi người con nhỏ là Trần Huỳnh Khải N1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu ông H nuôi người con lớn là Trần Huỳnh Khải N, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có gửi văn bản cho Tòa án có tranh chấp về việc nuôi con. Hiện nay người con nhỏ (Trần Huỳnh Khải N1) đang sống chung với bà T, tại biên bản về việc hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình ngày 14/7/2026 thì Trần Huỳnh Khải N1 có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ (bà T).

[4.2] Đối với người con lớn là Trần Huỳnh Khải N - Sinh ngày 14/4/2014, hiện đang sống chung với ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn đưa các người con đến Tòa án để tiến hành lấy ý kiến của các con theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng bị đơn không có mặt theo thông báo của Tòa án, người con đang sống chung với bị đơn, nguyên đơn không thể đưa người con đến Tòa án để lấy ý kiến, nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của người con này, Tòa án tiến hành lập biên bản không thể tiến hành việc hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình đối với Trần Huỳnh Khải N. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

[4.3] Trong vụ án này, bà T, ông H không có tranh chấp với nhau về khả năng, điều kiện nuôi con; bà T không có tranh chấp với ông H về việc nuôi người con lớn, bà T đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi người con lớn (K), ông H không có tranh chấp gì liên quan đến việc nuôi con; trong khi đó người con lớn (K) hiện đang sống chung với ông H, người con nhỏ (K) hiện đang sống chung với bà T. Do vậy để đảm bảo sự quan tâm, gắn bó giữa cha, mẹ đối với con, đảm bảo sự ổn

định, hạn chế việc xáo trộn trong môi trường sống, giáo dục của con thì cần giao cháu Trần Huỳnh Khải N1 cho bà T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cho ông H được quyền nuôi người con lớn là Trần Huỳnh Khải N là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T, ông H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có gửi văn bản cho Tòa án có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài chung, về nợ chung đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trần Văn H.

2/ Về con chung:

Giao cho bà Huỳnh Thị T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông Trần Văn H là: Trần Huỳnh Khải N1 - Sinh ngày 26/11/2015 (hiện đang sống chung với bà T) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Giao cho ông Trần Văn H được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa ông với bà Huỳnh Thị T là: Trần Huỳnh Khải N - Sinh ngày 14/4/2014 (hiện đang sống chung với ông H) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi. Bà Huỳnh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà T, ông H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012440 ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T, ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Mỹ;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ-KT-TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên